

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM**

**Số: 11/TPHN/2023**

**I. Thông tin về tổ chức, cá nhân công bố sản phẩm**

Tên tổ chức, cá nhân: **Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, Phường Định Công, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: +84 24 3864 2579

Fax: +84 24 3864 2579

E-mail: [cskh@huunghi.com.vn](mailto:cskh@huunghi.com.vn)

Mã số doanh nghiệp: 0102109239

Số giấy chứng nhận: HA 460/7.23.CIV. Chứng nhận lần đầu : 17/10/2018. Hiệu lực giấy chứng nhận : 16/03/2023 ÷ 15/03/2026. Nơi cấp: Vietnam Certification Centre (QUACERT).

**II. Thông tin sản phẩm**

1. Tên sản phẩm: **Momiji bánh Sandwich Khoai tây Gạo lứt**

2. Thành phần: Bột mì, Đường, Dầu bơ thay thế, Tinh bột khoai tây (3.6%), Trứng, Men, Chất ổn định (1422), Muối, Sữa bột, Ngũ cốc gạo lứt huyết rồng (Ngũ cốc (Gạo lứt huyết rồng (0.02%), Yến mạch, Gạo lứt, Nếp cẩm, Bắp, Đậu nành, Lúa mạch), Bột kem thực vật, Sữa gầy, Đường isomalt, Bột dừa, Maltodextrin, Canxi (Tribasic calcium phosphate), Muối i-ốt, Maltodextrin, Chất chống vón (551), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm), Chất bảo quản (282,281), Chất điều chỉnh độ acid (270), Hương liệu tổng hợp (Hương khoai tây chiên), Chất xử lý bột (1104), Chất nhũ hóa (481(i),415).

**Thành phần có chứa:** Bột mì, Trứng, Sữa, Đậu nành, Lúa mạch.

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 15 ngày kể từ ngày sản xuất.

Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

4. Quy cách bao gói và chất liệu bao bì:

- **Chất liệu:** Màng OPP/CPP, PP chuyên dùng đảm bảo yêu cầu an toàn thực phẩm theo quy định Bộ Y Tế.

- **Qui cách bao gói:** 110 g, 120 g, 275 g, 300 g.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất:

➤ **Sản phẩm của Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị.**

- Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- ĐT: +84 24 3664 9451
- Fax: +84 24 3664 2426
- Email: [cskh@huunghi.com.vn](mailto:cskh@huunghi.com.vn)
- Website: [www.huunghi.com.vn](http://www.huunghi.com.vn)

➤ **Sản xuất tại**

- Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị. (H)
  - Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Chi nhánh công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại miền Bắc (Y)
  - Địa chỉ: Lô CN 15 - 2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam (M)

- Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

✓ Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất, xem cạnh ngày sản xuất.

**III. Mẫu nhãn sản phẩm** (xem mẫu nhãn sản phẩm dự kiến đính kèm)

**IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm (Phụ lục I đính kèm).**

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

**1. Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia số:**

- QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

**2. Thông tư của các Bộ, ngành**

- Thông tư số 24/2019/TT-BYT Thông tư quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
- Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.
- Nghị định 43/2017/NĐ-CP về thông tin ghi nhãn hàng hóa
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều tại nghị định 43/2017/NĐ-CP

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 18 tháng 05 năm 2023

**ĐẠI DIỆN CÔNG TY**



**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**

*Lê Nguyễn Hải*

**Phụ lục I**  
**TIÊU CHUẨN SẢN PHẨM**

|                                               |                                                   |                         |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|
| <b>Công ty cổ phần<br/>Thực phẩm Hữu Nghị</b> | <b>Momiji bánh Sandwich Khoai<br/>tây Gạo lứt</b> | <b>Số: 11/TPHN/2023</b> |
|-----------------------------------------------|---------------------------------------------------|-------------------------|

**1. Yêu cầu kỹ thuật:**

**1.1. Các chỉ tiêu cảm quan:**

- Hình dạng: Khối hình chữ nhật, được thái lát xếp chồng lên nhau.
- Trạng thái: Bánh mềm, xốp.
- Màu sắc: Vỏ bánh màu vàng nâu cánh gián, ruột bánh màu trắng đến trắng đục hơi ngả vàng.
- Mùi vị: Đặc trưng mùi khoai tây, gạo lứt, thơm nhẹ.
- Tạp chất lạ: Không có.

**1.2. Các chỉ tiêu vi sinh vật:** áp dụng theo Quyết định số 46/2007/QĐ-BYT Quy định giới hạn tối đa ô nhiễm sinh học và hóa học trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu                 | Đơn vị tính | Giới hạn VSV (trong 1g hoặc 1 ml sản phẩm) |
|----|------------------------------|-------------|--------------------------------------------|
| 1  | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g       | $10^4$                                     |
| 2  | Coliforms                    | CFU/g       | 10                                         |
| 3  | E. Coli                      | CFU/g       | 3                                          |
| 4  | S.aureus                     | CFU/g       | 10                                         |
| 5  | Cl.perfringens               | CFU/g       | 10                                         |
| 6  | B.cereus                     | CFU/g       | 10                                         |
| 7  | Tổng số BTNM-M               | CFU/g       | $10^2$                                     |

**1.3. Hàm lượng kim loại nặng:** áp dụng theo QCVN 8-2:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------|-------------|------------|
| 1  | Cadmi (Cd)   | ppm         | 0,1        |
| 2  | Chì (Pb)     | ppm         | 0,2        |

**1.4. Hàm lượng hóa chất không mong muốn:** áp dụng theo QCVN 8-1:2011/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.

| TT | Tên chỉ tiêu       | Đơn vị tính | Mức tối đa |
|----|--------------------|-------------|------------|
| 1  | Aflatoxin B1       | µg/kg       | 2          |
| 2  | Aflatoxin B1B2G1G2 | µg/kg       | 4          |
| 3  | Ochratoxin A       | µg/kg       | 3          |
| 4  | Deoxyvalenol       | µg/kg       | 500        |
| 5  | Zearalenone        | µg/kg       | 50         |

**2. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản và vận chuyển:**

**2.1. Hướng dẫn sử dụng, bảo quản:**

- Dùng ăn trực tiếp.
- Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.
- Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

- Ngày sản xuất (NSX) và hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì.

## 2.2. Hướng dẫn bảo quản và vận chuyển:

- Bảo quản:
  - o Thành phẩm bảo quản trong kho phải xếp trên các pallet hoặc giá/kệ, cách mặt đất từ 10 ÷ 15cm, cách tường ít nhất 30 cm.
  - o Kho phải thoáng mát, khô ráo, tránh được mưa nắng.
- Vận chuyển: Thành phẩm được vận chuyển bằng xe chuyên dụng, đảm bảo không bị nắng, mưa. Không vận chuyển thành phẩm cùng với các sản phẩm khác gây ảnh hưởng đến mùi vị của sản phẩm.





ENSURE YOUR SUCCESS

# GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận Hệ thống Quản lý An toàn Thực phẩm của

## CÔNG TY CỔ PHẦN THỰC PHẨM HỮU NGHỊ

Địa chỉ: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam

Địa điểm áp dụng:

- Trụ sở và Nhà máy Định Công: Số 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc - Nhà máy Yên Phong: Lô CN 15-2, khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị Miền Nam: Lô CN3, đường số 2, khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam

đã được đánh giá và xác nhận phù hợp với yêu cầu của tiêu chuẩn

**SAO Y BẢN CHÍNH**

**TCVN ISO 22000:2018 / ISO 22000:2018** Số: 10.../SY-TPHN  
Hà Nội, ngày 11 tháng 03 năm 2022

- Phạm vi được chứng nhận:
- Sản xuất bánh cracker, lương khô (bánh dinh dưỡng), bánh tươi (bánh gato), bánh mì (bánh mì, Sandwich), đồ uống không cồn, mứt, bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta); Đóng gói kẹo tại Nhà máy Định Công.
  - Sản xuất bánh trung thu, bánh trứng, bánh kem xốp, bánh mì (bánh mì, Sandwich), ruốc, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, mứt; Đóng gói kẹo tại Nhà máy Yên Phong.
  - Sản xuất bánh mì (bánh mì, Sandwich), bánh gato, bánh bông lan (cake, cupcake), bánh quy, caramel, sữa chua, thạch, bánh ngọt (bánh Tart, bánh Mousse, bánh Panna Cotta) tại Nhà máy Bình Dương.

Số Giấy chứng nhận:

HA 460/7.23.CIV

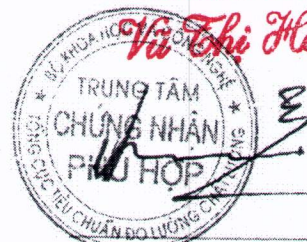
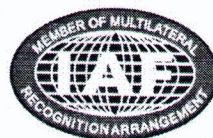
Mã ngành: CIV

Hiệu lực Giấy chứng nhận:

Từ ngày 16/03/2023 đến ngày 15/03/2026

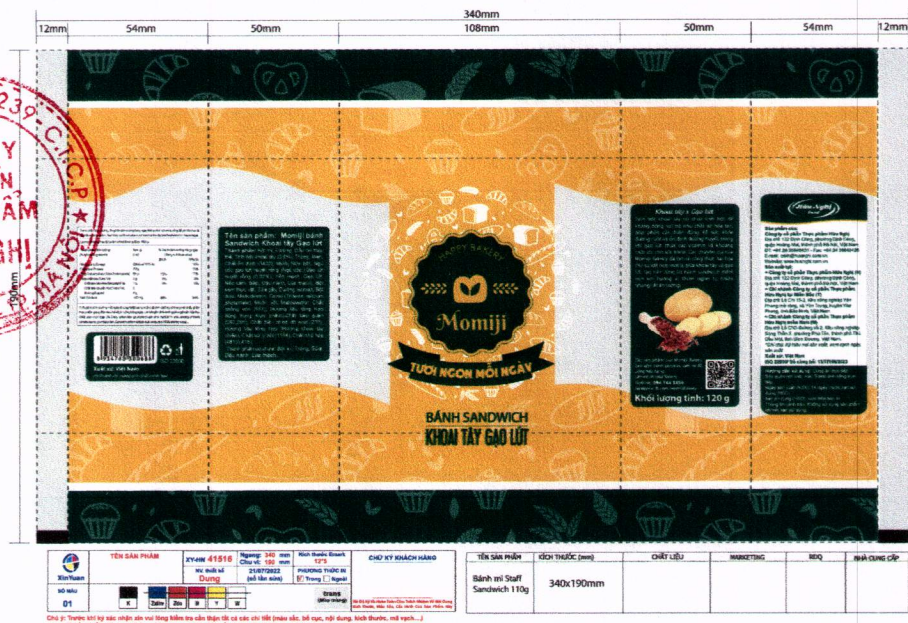
Ngày chứng nhận lần đầu:

17/10/2018



Trần Quốc Dũng

CHÁNH VĂN PHÒNG  
*Vũ Thị Hồng Tiêm*



#### Sản phẩm của:

**Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.  
ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

E-mail: cskh@huunghi.com.vn;

Website: www.huunghi.com.vn

#### Sản xuất tại:

**+ Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (H)**

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

**+ Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Y)**

Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

**+ Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam (M)**

Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

\*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất, xem cạnh ngày sản xuất.

**Xuất xứ: Việt Nam**

**ISO 22000/ Số công bố: 11/TPHN/2023**

**Hướng dẫn sử dụng:** Dùng ăn trực tiếp

Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất (NSX): 14 ngày trước hạn sử dụng (HSD)

hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

## Tên sản phẩm: Momiji bánh Sandwich Khoai tây Gạo lứt

**Thành phần:** Bột mì, Đường, Dầu bơ thay thế, Tinh bột khoai tây (3.6%), Trứng, Men, Chất ổn định (1422), Muối, Sữa bột, Ngũ cốc gạo lứt huyết rồng (Ngũ cốc (Gạo lứt huyết rồng (0.02%), Yến mạch, Gạo lứt, Nếp cẩm, Bắp, Đậu nành, Lúa mạch), Bột kem thực vật, Sữa gầy, Đường isomalt, Bột dừa, Maltodextrin, Canxi (Tribasic calcium phosphate), Muối i-ốt, Maltodextrin, Chất chống vón (551), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm), Chất bảo quản (282,281), Chất điều chỉnh độ acid (270), Hương liệu tổng hợp (Hương khoai tây chiên), Chất xử lý bột (1104), Chất nhũ hóa (481(i),415).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Đậu nành, Lúa mạch.



8 934760 1300686



ISO 22000

**Xuất xứ: Việt Nam**

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

## BÁNH SANDWICH KHOAI TÂY GẠO LỨT

| Thành phần dinh dưỡng, % giá trị dinh dưỡng hàng ngày không nhỏ hơn mức công bố ghi trên bao bì<br>(Nutritional composition, % of daily nutritional value is not less than the declared level stated on the package). |                  |                                                             |               |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|---------------|
| Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g                                                                                                                                                                 |                  |                                                             |               |
| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients)                                                                                                                                                                    | Đơn vị<br>(Unit) | % Giá trị dinh dưỡng hàng ngày<br>(Daily nutritional value) | DV %<br>RNV % |
| Năng lượng (Energy)                                                                                                                                                                                                   | 256 Kcal/1075 KJ |                                                             | 13%           |
| Chất đạm (Protein)                                                                                                                                                                                                    | 7.5 g            |                                                             | 13%           |
| Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)                                                                                                                                                                                | 52 g             | 17%                                                         | 17%           |
| Tổng chất béo (Total Fat)                                                                                                                                                                                             | 2 g              | 3%                                                          | 3%            |
| Chất béo bão hòa (Saturated Fat)                                                                                                                                                                                      | 1 g              | 5%                                                          | 5%            |
| Chất béo chuyển hóa (Trans Fat)                                                                                                                                                                                       | 0                |                                                             |               |
| Đường (Sugars)                                                                                                                                                                                                        | 8 g              |                                                             |               |
| Natri (Sodium)                                                                                                                                                                                                        | 520 mg           | 24%                                                         | 26%           |

(\*) % giá trị dinh dưỡng hàng ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lời khuyên dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo một ngày (% Daily Value tells you how much of a nutrient in one serving of food contributes to your daily diet. General nutrition advice is to consume 2000 calories a day).

### Khoai tây x Gạo lứt

Tinh bột khoai tây có chứa tinh bột để kháng đóng vai trò như chất xơ hòa tan, góp phần cải thiện đáng kể sức khỏe đường ruột và ổn định đường huyết, trong khi gạo lứt chứa các vitamin và khoáng chất tốt cho sức khỏe. Các chuyên gia của Momiji Bakery đã tìm ra công thức hài hòa cho sự kết hợp mới lạ giữa khoai tây và gạo lứt, tạo nên từng lát bánh sandwich mềm mịn với hương vị thơm ngon tự nhiên nhưng rất ấn tượng.

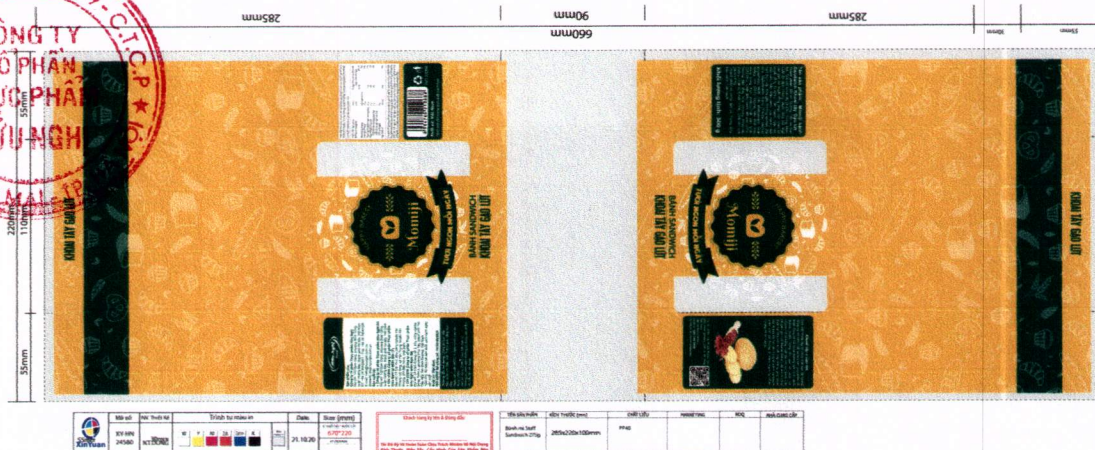
Các sản phẩm của Momiji Bakery bao gồm bánh gateaux, café và đồ uống hảo hạng.

Liên hệ Momiji Bakery

Hotline: **094 744 3456**

Facebook: fb.com/momijibakery

**Khối lượng tịnh: 120 g**



#### Sản phẩm của:

#### Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

ĐT: +84 24 36649451 - Fax: +84 24 36642426

E-mail: cskh@huunghi.com.vn;

Website: www.huunghi.com.vn

#### Sản xuất tại:

#### + Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị (H)

Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

#### + Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị tại Miền Bắc (Y)

Địa chỉ: Lô CN 15-2, Khu công nghiệp Yên Phong mở rộng, xã Yên Trung, huyện Yên Phong, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

#### + Chi nhánh Công ty cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị miền Nam (M)

Địa chỉ: Lô CN3 đường số 2, Khu công nghiệp Sóng Thần 3, phường Phú Tân, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

\*Ghi chú: Ký hiệu nơi sản xuất, xem cạnh ngày sản xuất.

#### Xuất xứ: Việt Nam

ISO 22000/ Số công bố: 11/TPHN/2023

#### Hướng dẫn sử dụng:

Dùng ăn trực tiếp  
Bảo quản nơi khô, mát. Tránh ánh nắng trực tiếp.

Ngày sản xuất (NSX): 14 ngày trước hạn sử dụng (HSD)

hạn sử dụng (HSD): xem trên bao bì

Thông tin cảnh báo: Không sử dụng sản phẩm khi hết hạn sử dụng.

## Tên sản phẩm: Momiji bánh Sandwich Khoai tây Gạo lứt

**Thành phần:** Bột mì, Đường, Dầu bơ thay thế, Tinh bột khoai tây (3.6%), Trứng, Men, Chất ổn định (1422), Muối, Sữa bột, Ngũ cốc gạo lứt huyết rồng (Ngũ cốc (Gạo lứt huyết rồng (0.02%), Yến mạch, Gạo lứt, Nếp cẩm, Bắp, Đậu nành, Lúa mạch), Bột kem thực vật, Sữa gầy, Đường isomalt, Bột dừa, Maltodextrin, Canxi (Tribasic calcium phosphate), Muối i-ốt, Maltodextrin, Chất chống vón (551), Hương liệu tổng hợp dùng trong thực phẩm), Chất bảo quản (282,281), Chất điều chỉnh độ acid (270), Hương liệu tổng hợp (Hương khoai tây chiên), Chất xử lý bột (1104), Chất nhũ hóa (481(i),415).

Thành phần có chứa: Bột mì, Trứng, Sữa, Đậu nành, Lúa mạch.



Xuất xứ: Việt Nam

Hình ảnh chỉ mang tính chất minh họa

## BÁNH SANDWICH KHOAI TÂY GẠO LỨT

Thành phần dinh dưỡng, % giá trị dinh dưỡng hàng ngày không nhỏ hơn mức công bố ghi trên bao bì  
(Nutritional composition, % of daily nutritional value is not less than the declared level stated on the package).

Lượng dinh dưỡng được tính trên (Serving Size): 100 g

| Thành phần dinh dưỡng<br>(Nutritional ingredients) | Đơn vị<br>(Unit) | % Giá trị dinh dưỡng hàng ngày<br>(Daily nutritional value) | DV % | RW % |
|----------------------------------------------------|------------------|-------------------------------------------------------------|------|------|
| Năng lượng (Energy)                                | 256 Kcal/1075 KJ |                                                             |      | 13%  |
| Chất đạm (Protein)                                 | 7.5 g            |                                                             |      | 13%  |
| Tổng Carbohydrate (Total Carbohydrate)             | 52 g             | 17%                                                         |      | 17%  |
| Tổng chất béo (Total Fat)                          | 2 g              | 3%                                                          |      | 3%   |
| Chất béo bão hòa (Saturated Fat)                   | 1 g              | 3%                                                          |      | 5%   |
| Chất béo chuyển hóa (Trans Fat)                    | 0                |                                                             |      |      |
| Đường (Sugars)                                     | 8 g              |                                                             |      |      |
| Natri (Sodium)                                     | 520 mg           | 24%                                                         |      | 26%  |

(\*) % giá trị dinh dưỡng mỗi ngày cho bạn biết lượng một chất dinh dưỡng có trong một khẩu phần thực phẩm góp phần vào chế độ ăn uống hàng ngày. Lỗi khuyến nghị dinh dưỡng chung là nên hấp thụ 2000 calo mỗi ngày (% Daily Value tells you how much of a nutrient in one serving of food contributes to your daily diet. General nutrition advice is to consume 2000 calories a day).

### Khoai tây x Gạo lứt

Tinh bột khoai tây có chứa tinh bột dễ kháng đóng vai trò như chất xơ hòa tan, góp phần cải thiện đáng kể sức khỏe đường ruột và ổn định đường huyết, trong khi gạo lứt chứa các vitamin và khoáng chất tốt cho sức khỏe. Các chuyên gia của Momiji Bakery đã tìm ra công thức hài hòa cho sự kết hợp mới lạ giữa khoai tây và gạo lứt, tạo nên từng lát bánh sandwich mềm mịn với hương vị thơm ngon tự nhiên nhưng rất ấn tượng.

Các sản phẩm của Momiji Bakery bao gồm bánh gateaux, café và đồ uống hảo hạng

Liên hệ Momiji Bakery

Hotline: **094 744 3456**

Facebook: fb.com/momijibakery

**Khối lượng tịnh: 300 g**



Số: 0323004/1/PKQ

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Momiji bánh Sandwich Khoai tây Gạo lứt**  
Mô tả mẫu: **Mẫu bánh đựng trong túi, 06 túi/mẫu, khoảng 350g, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng**  
Số lượng mẫu: **01**  
Khách hàng: **Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị**  
Địa chỉ: **122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội**  
Ngày nhận mẫu: **02/3/2023**  
Thời gian thử nghiệm: **02/3/2023 – 13/3/2023**  
Kết quả:

| STT | Tên chỉ tiêu                               | Đơn vị tính | Kết quả             | Phương pháp thử   |
|-----|--------------------------------------------|-------------|---------------------|-------------------|
| 01* | Hàm lượng Protein (Nx5,7)                  | g/100g      | 8,12                | TCVN 8125:2015    |
| 02* | Hàm lượng Lipid                            | g/100g      | 2,36                | FIRI.M.115        |
| 03* | Hàm lượng Carbohydrate                     | g/100g      | 56,38               | FIRI.M.146        |
| 04  | Hàm lượng Đường toàn phần                  | g/100g      | 8,92                | FIRI.M.020 (HPLC) |
| 05* | Hàm lượng Sodium (Na)                      | mg/100g     | 583,29              | FIRI.M.118 (AAS)  |
| 06  | Hàm lượng chất béo bão hòa (Saturated Fat) | g/100g      | 1,12                | AOAC 996.06       |
| 07  | Hàm lượng chất béo trans (Trans Fat)       | mg/100g     | KPH (LOD = 1 mg/kg) | AOAC 996.06       |

**Ghi chú:** KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023



Lý Ngọc Trâm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (\*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (\*\*): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



Số: 0323004/2/PKQ

## PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: Momiji bánh Sandwich Khoai tây Gạo lứt  
Mô tả mẫu: Mẫu bánh đựng trong túi, 06 túi/mẫu, khoảng 350g, điều kiện bảo quản nhiệt độ phòng  
Số lượng mẫu: 01  
Khách hàng: Công ty Cổ phần Thực phẩm Hữu Nghị  
Địa chỉ: 122 Định Công, phường Định Công, quận Hoàng Mai, Hà Nội  
Ngày nhận mẫu: 02/3/2023  
Thời gian thử nghiệm: 02/3/2023 – 13/3/2023  
Kết quả:

| STT  | Tên chỉ tiêu                                 | Đơn vị tính | Kết quả                 | Phương pháp thử         |
|------|----------------------------------------------|-------------|-------------------------|-------------------------|
| 01   | Tổng số vi sinh vật hiếu khí                 | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)        | TCVN 4884-1:2015        |
| 02   | Coliforms                                    | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)        | TCVN 6848:2007          |
| 03   | <i>E.coli</i>                                | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)        | TCVN 7924-2:2008        |
| 04** | <i>Clostridium perfringens</i>               | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)        | TCVN 4991:2005          |
| 05** | <i>Bacillus cereus</i>                       | CFU/g       | KPH (LOD=10CFU/g)       | TCVN 4992:2005          |
| 06** | <i>Staphylococcus aureus</i>                 | CFU/g       | KPH (LOD=10CFU/g)       | FDA-BAM chapter 12:2019 |
| 07** | Tổng số nấm men, nấm mốc                     | CFU/g       | KPH (LOD=1CFU/g)        | TCVN 8275-2:2010        |
| 08** | <i>Salmonella</i> spp.                       | /25g        | KPH                     | TCVN 10780-1:2017       |
| 09*  | Hàm lượng Asen (As)                          | mg/kg       | KPH (LOD = 0,015 mg/kg) | AOAC 986.15             |
| 10*  | Hàm lượng Thủy ngân (Hg)                     | mg/kg       | KPH (LOD = 0,015 mg/kg) | AOAC 971.21             |
| 11*  | Hàm lượng Cadimi (Cd)                        | mg/kg       | KPH (LOD = 0,002 mg/kg) | AOAC 999.11             |
| 12*  | Hàm lượng Chì (Pb)                           | mg/kg       | KPH (LOD = 0,005 mg/kg) | AOAC 999.11             |
| 13** | Hàm lượng Methyl Bromide                     | mg/kg       | KPH (LOD=0,01mg/kg)     | NIFC.04.M.140 (GC-MS)   |
| 14*  | Hàm lượng Aflatoxin B1                       | µg/kg       | KPH (LOD = 0,3 µg/kg)   | FIRI.M.130 (LC-MS/MS)   |
| 15*  | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) | µg/kg       | KPH (LOD = 0,3 µg/kg)   | FIRI.M.130 (LC-MS/MS)   |
| 16*  | Hàm lượng Ochratoxin A                       | µg/kg       | KPH (LOD = 0,3 µg/kg)   | FIRI.M.167 (LC-MS/MS)   |
| 17*  | Hàm lượng Deoxynivalenol                     | µg/kg       | KPH (LOD = 30 µg/kg)    | FIRI.M.105 (LC-MS/MS)   |
| 18*  | Hàm lượng Zearalenone                        | µg/kg       | KPH (LOD = 5 µg/kg)     | FIRI.M.105 (LC-MS/MS)   |

**Ghi chú:** KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD)

Hà Nội, ngày 13 tháng 3 năm 2023  
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA  
Lý Ngọc Trâm

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (\*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (\*\*): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.